SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 05/02/2024 09:19:58 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1710 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phài - thành phố Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1011/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông Chẻo Khế Chiêm** - Cư trú tại bản Sùng Phài, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 310.481.628 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm mười triệu, bốn trăm tám mươi mốt nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã Sùng Phài.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Chẻo Khế Chiêm có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Hữu Cam

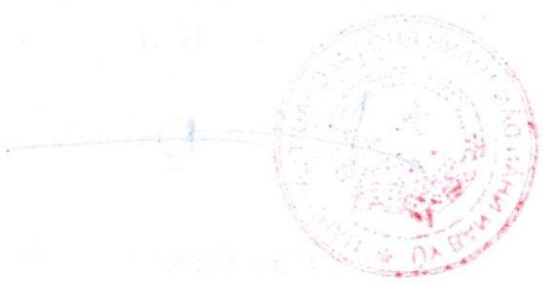

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng Phài, TP. Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 1710 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4,0*	*5*	*6=4*5*	
	Hộ gia đình: Chẻo Khế Chiêm					
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Phài - xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**310.481.628**	
a	**Về đất**				**49.180.940**	
1	Diện tích thu hồi	m^2	584,6			
2	Loại đất:					
2	Đất ở tại nông thôn; Vị trí: 1 ; khu vực: 2	m^2	400,0	105.000	**42.000.000**	
2	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1	m^2	184,6	38.900	**7.180.940**	
	Nguồn gốc: - Hộ gia đình ông Chẻo Khế Chiêm bị thu hồi đất tại thửa đất số 134, TBĐ 69 (Theo Bản đồ trích đo thu hồi đất) với diện tích 584,6m2, loại đất CLN và ONT. Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất số 9, TBĐ số 69 được UBND huyện Tam Đường cấp giấy CNQSDĐ số BR670150 cho ông Chẻo Khé Chiêm ngày 31/12/2014. - Hộ gia đình sử dụng với mục đích đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, Toàn bộ diện tích thu hồi trên gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.					
b	**Tài sản, vật kiến trúc, (Tài sản xây dựng năm 2014, xây dựng trước khi có kế hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tài sản xây dựng đúng mục đích và bồi thường hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo QĐ 21/2023 ngày 04/10/2023, tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp)**				**231.757.868**	
1	Nhà khung cột gỗ D>20 cm (5,5*9,6)	m^2	52,8	927.400	48.966.720	Nhà bếp
2	Nhà khung cột gỗ D>20 cm (12,5*7,8)	m^2	97,5	927.400	90.421.500	Nhà chính
3	Mái lợp prô xi măng kể cả khung xà (10*7,4)	m^2	74	68.700	5.083.800	Nhà bếp
4	Nền bê tông đá dăm dày 10 cm (6,3*10)	m^2	63	102.400	6.451.200	
5	Bể nước xây gạch bi tường 12 cm, không nắp bê tông (1,5*2*1,1)	m^3	3,3	627.210	2.069.793	
6	Ốp gỗ quanh nhà (2,4*28)	m^2	67,2	134.800	9.058.560	
7	Tường xây gạch đỏ (1,1*1,1*0,5) (bếp lò)	m^3	0,605	1.210.500	732.353	
8	Máng tôn	m	10	35.000	350.000	
9	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,1*1,8)	m^2	3,78	156.400	591.192	
10	Ốp gỗ quanh nhà	m^2	25	134.800	3.370.000	
11	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,1*27)	m^2	56,7	156.400	8.867.880	
12	Tường xây gạch bi tường 12 cm (2,1*2,0)	m^2	4,2	156.400	656.880	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
13	Nền bê tông đá dăm dày 10 cm	m^2	106,25	102.400	10.880.000	Nhà chính
14	Ốp gỗ (6,4*2)	m^2	12,8	134.800	1.725.440	
15	Ốp gỗ (6,4*2)	m^2	12,8	134.800	1.725.440	
16	Mái lợp prô xi măng kể cả khung xà (9,2*13)	m^2	119,6	68.700	8.216.520	
17	Tường xây gạch bi tường 12 cm (6,2*1)+(11,5*1)	m^2	17,7	156.400	2.768.280	Tường quanh nhà
18	Tường xây gạch bi tường 12 cm (24,5*1,2)	m^2	29,4	156.400	4.598.160	
19	Nhà lán tạm (4,3*4)	m^2	17,2	213.000	3.663.600	Kho ngô
20	Chuồng xây gạch bi tường 12, mái pro xi măng (4,7*6)	m^2	28,2	417.900	11.784.780	Chuồng lợn
21	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (4,7*6)	m^2	28,2	102.400	2.887.680	
22	Chuồng xây gạch bi tường 12, mái pro xi măng (2,7*1,8)	m^2	4,86	417.900	2.030.994	chuồng gà
23	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (2,7*1,8)	m^2	4,86	102.400	497.664	
24	Tường Trát vữa xi măng không đánh màu ((2,1*1,8)+(2,1*27)+(2,1*2))*2	m^2	129,36	33.700	4.359.432	
c	**Về cây cối hoa mầu**					Tạm thời, chưa xác định được giá trị bồi thường theo ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch
1	Cây đu đủ (đã cho thu hoạch)	Cây	4			
2	Cây chanh R 1-2m	Cây	3			
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 4	Cây	3			
4	Cây đào R 1-2m	Cây	3			
5	Cây đào trồng năm thứ 4	Cây	1			
6	Cây ổi R 1-2m	Cây	1			
7	Cây bưởi R 1-2m	Cây	2			
8	Cây chuối H>1,2m	Cây	4			
9	Rau màu gối vụ	m^2	5,0			
10	2 Cây lấy gỗ D30, H8	m^3	0,6			
11	1 Cây lấy gỗ D50, H12	m^3	1,2			
12	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	Cây	4			
13	Hàng rào cọc tre	m	20			
d	**Về chính sách hỗ trợ**				29.542.820	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m^2	184,6	116.700	21.542.820	

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Hỗ trợ làm thủ tục rời nhà cũ lên nhà mới theo khoản 2 điều 21 tại Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000	
3	Hỗ trợ làm đường nước theo khoản 9 điều 21 tại Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ hộ	1,0	2.000.000	2.000.000	
4	Hỗ trợ lắp đặt điện thoại, truyền hình theo khoản 9 điều 21 tại Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000	
5	Hỗ trợ lắp điện chiếu sáng theo khoản 9 điều 21 tại Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000	
6	Hỗ trợ hộ gia đình có mức sống thuộc diện hộ nghèo theo khoản 12 điều 21 tại Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/ hộ	1,0	3.000.000	3.000.000	